

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 09/2021/DS-GĐT

Ngày 28/4/2021

Vụ án “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
gồm có:**

Thẩm phán Lại Văn Trình - Phó Chánh án làm chủ tọa phiên tòa.

Thẩm phán Vũ Thanh Liêm - Thành viên

Thẩm phán Nguyễn Thanh Long - Thành viên.

- Thư ký phiên tòa: bà Hà Thị Mỹ Châu - Thẩm tra viên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự: “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Phan Ngọc C; cư trú: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. *Bị đơn:* Tổng công ty Bảo hiểm B; địa chỉ: X Phố T, phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Nguyễn Như H, địa chỉ: số A, ngõ K, phố T, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Phạm Ngọc H; cư trú: thôn Y, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Ngọc C trình bày:

Tàu cá đăng ký số QB-93192-TS, trước đây chủ tàu là anh Phạm Ngọc H đã ký Hợp đồng bảo hiểm số QBI.DO.06.TC.17.HĐ 199E92 ngày 22/6/2017 với Công ty B Quảng Bình, hiệu lực của Hợp đồng là một năm kể từ ngày 22/6/2017 đến

ngày 22/6/2018, bao gồm bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên; mức phí bảo hiểm thân tàu là 90.000.000 đồng; mức phí bảo hiểm thuyền viên là 450.000 đồng/người/năm; số lượng thuyền viên là 06 người là 2.700.000 đồng, tổng phí bảo hiểm hai khoản là 92.700.000 đồng; phí bảo hiểm thân tàu được thanh toán 2 kỳ: kỳ 1 thanh toán 50%, chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm, với số tiền là 45.000.000 đồng; kỳ 2 thanh toán 50% còn lại, sau 6 tháng (không quá 180 ngày) kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm, với số tiền 45.000.000 đồng; phí bảo hiểm 06 thuyền viên là 2.700.000 đồng được thanh toán 100%, chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm. Ngày 22/6/2017, anh H đã nộp tiền phí bảo hiểm kỳ 1 là 45.000.000 đồng và phí bảo hiểm thuyền viên 2.700.000 đồng được B Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 363, số tiền được bảo hiểm 3.000.000.000 đồng và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 364 với số lượng 06 thuyền viên, số tiền được bảo hiểm 30.000.000 đồng/người/vụ.

Ngày 05/9/2017, anh Phạm Ngọc H ký hợp đồng chuyển nhượng tàu cá nói trên cho em trai là Phạm Ngọc C. Sau khi tiến hành xong thủ tục chuyển nhượng, ngày 18/9/2017 anh Phạm Ngọc C được Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 7053 và số đăng ký tàu cá giữ nguyên số cũ là QB-93192-TS. Ngày 20/9/2017, anh C được B Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 363 có hiệu lực từ 8 giờ ngày 21/6/2017 đến 8 giờ ngày 21/6/2018, nội dung Giấy chứng nhận bảo hiểm gồm: Bảo hiểm thân tàu với số tiền được bảo hiểm 3.000.000.000 đồng, phí bảo hiểm 90.000.000 đồng và bảo hiểm thuyền viên cho 07 thuyền viên, phí bảo hiểm là 3.150.000 đồng với số tiền được bảo hiểm 30.000.000 đồng/người/vụ.

Vào hồi 9 giờ ngày 08/01/2018, tàu cá QB-93192-TS do anh C làm chủ trên đường đánh bắt hải sản vùng biển ngoài khơi Việt Nam về đất liền để bán hải sản. Khi đến tọa độ 17°49'00N + 106°40'00E, cách cửa sông Gianh thuộc thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình 10 hải lý thì bị tàu hàng Hùng Khánh 86 H Phòng đâm chìm, mất hoàn toàn. Sự việc đã được Bộ đội Biên phòng Cảng Gianh lập biên bản điều tra vụ việc va chạm. Sau đó, có sự bảo lãnh của B, qua thương lượng, ngày 28/02/2018 phía tàu Hùng Khánh 86 H Phòng đã đồng ý hỗ trợ cho anh C chủ tàu QB-93192-TS bị tổn thất với số tiền 1.240.000.000 đồng. Sau khi vụ tai nạn xảy ra, anh C chủ tàu QB-93192-TS đã báo cáo cho cán bộ khai thác của B Quảng Bình biết. Qua thương lượng B Quảng Bình đã chấp nhận bồi thường cho các thuyền viên, còn bảo hiểm thân tàu B Quảng Bình không chấp nhận bồi thường.

Trong quá trình làm thủ tục để yêu cầu bồi thường, B Quảng Bình mới xuất trình cho anh C 02 văn bản cùng ngày gồm: văn bản số 528 ngày 11/12/2017 thông báo thu phí bảo hiểm lần 2 gửi anh Phạm Ngọc H và văn bản số 532 ngày

11/12/2017 về việc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm tàu cá với anh Phạm Ngọc H. Tại Văn bản số 468/BVQB-KD3 ngày 06/9/2018, Công ty B Quảng Bình trả lời đơn kiến nghị của ông Phạm Ngọc C xác định tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh C thì sự kiện tai nạn tàu cá đã xảy ra, do đó hợp đồng bảo hiểm vô hiệu. Anh C khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty Bảo hiểm B bồi thường tiền bảo hiểm tàu cá với số tiền 3.000.000.000 đồng và khoản lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, cho đến ngày trả xong số tiền trên.

- Bị đơn là Tổng Công ty Bảo hiểm B trình bày:

Công ty B Quảng Bình (hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Bảo hiểm B) có ký Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QBI.DO.06.TC.17.HĐ 199E92 ngày 22/6/2017 với anh Phạm Ngọc H chủ tàu cá QB-93192-TS và đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 22/6/2017 cho anh H. Do anh H không đóng phí bảo hiểm kỳ 2, nên B không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm cho tàu cá QB-93192-TS, bởi vì căn cứ điểm 4 khoản 1 Điều 2 Hợp đồng bảo hiểm tàu cá quy định cụ thể 2 kỳ thanh toán và thời hạn từng kỳ thanh toán phí bảo hiểm, theo đó ngày 22/12/2017 là ngày cuối cùng anh H đã không thanh toán phí bảo hiểm kỳ 2, nên từ 0 giờ 00 phút ngày 23/12/2017 Hợp đồng bảo hiểm nêu trên đã chấm dứt hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật kinh doanh bảo hiểm, cụ thể là: "... Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác", và tại điểm 4 khoản 1 Điều 2 Hợp đồng bảo hiểm quy định: "*Trường hợp đến hạn thanh toán phí bảo hiểm chủ tàu không thực hiện thanh toán đúng hạn thì hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt hiệu lực bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm không còn giá trị*".

Ngày 5/9/2017, anh C nhận chuyển nhượng tàu cá từ anh H và đã được B Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận Bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017. Việc anh C nhận chuyển nhượng tàu cá từ anh H nhưng anh H không có văn bản thông báo cho B Quảng Bình biết, vì vậy việc chuyển nhượng này không có hiệu lực vì đã vi phạm Điều 26 Luật kinh doanh bảo hiểm.

Về việc cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017 cho anh C, theo tường trình của ông Hồ Quang Hường (đại lý bảo hiểm của B Quảng Bình) thì sau khoảng 03 ngày xảy ra tai nạn, anh C có nộp cho Cảnh vụ Cảnh Gianh Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên anh Phạm Ngọc H để làm thủ tục yêu cầu tàu Hùng Khánh 86 bồi thường. Do tên trong hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm không đúng với tên trong Giấy chứng nhận chủ tàu nên Cảnh vụ yêu cầu làm lại. Sau khoảng 01 tuần vụ tai nạn xảy ra, vợ chồng bà Duyên (bố mẹ của anh H và anh C) đến nhà riêng gặp ông Hường xin cấp lại Giấy chứng

nhận bảo hiểm mang tên anh C và ghi ngày cấp Giấy chứng nhận là ngày 20/9/2017 nhằm phù hợp với ngày cấp Giấy chứng nhận tàu cá mang tên anh C (ngày 18/9/2017) để nộp cho Cảng vụ. Vì trong lúc ngư dân gặp hoạn nạn nên ông Hoàng đã lấy một bản Giấy chứng nhận bảo hiểm cũ mang tên anh H để viết lại Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên anh C. Việc làm này là do cá nhân ông Hoàng tự ý làm mà không báo cáo xin ý kiến B Quảng Bình. Việc anh C có Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017 cũng chưa thể coi là đủ điều kiện để bồi thường bảo hiểm vì theo khoản 2 Điều 13 Quy tắc bảo hiểm tàu cá (ban hành theo Quyết định số 5373/QB-BHBV ngày 16/11/2016 của Tổng công ty Bảo hiểm B) quy định: “Trong mọi trường hợp mặc dù B *đã chấp nhận bảo hiểm và đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Giấy sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho người được bảo hiểm, hiệu lực bảo hiểm của tàu cá sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi phát sinh một trong những trường hợp sau:* a) Người được bảo hiểm không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại điểm 2 Điều 17 Quy tắc này...”; điểm 2 Điều 17 Quy tắc bảo hiểm tàu cá quy định: “a) *Đối với những tàu bảo hiểm theo thời hạn 01 năm, phí bảo hiểm được thanh toán làm một kỳ hoặc nhiều kỳ theo thỏa thuận giữa người được bảo hiểm và B nhưng nhiều nhất không quá 4 kỳ (3 tháng một kỳ) và được thanh toán theo quy định cụ thể ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm hoặc thông báo thu phí bảo hiểm...*”; Điều 12 Quy tắc bảo hiểm tàu cá cũng quy định: “*Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm nhưng với điều kiện người được bảo hiểm đã thanh toán phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định ở điểm 2 Điều 17*”. Đối với bảo hiểm thuyền viên, do anh H đã nộp đầy đủ phí bảo hiểm nên B chấp nhận bồi thường theo hợp đồng và Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Với các lý do trên, Tổng công ty Bảo hiểm B không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm tàu cá cho anh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh là Phạm Ngọc H trình bày:*

Ngày 22/6/2017 anh H ký Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QBI.DO.06.TC.17.HĐE với B Quảng Bình, hiệu lực của Hợp đồng là 01 năm, từ ngày 22/6/2017 đến ngày 22/6/2018, bao gồm phí bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên; mức phí bảo hiểm thân tàu là 90.000.000 đồng, mức phí bảo hiểm thuyền viên 450.000 đồng/người/năm, số lượng 06 người là 2.700.000 đồng, tổng phí bảo hiểm là 92.700.000 đồng; phí bảo hiểm thân tàu được thanh toán 02 kỳ, kỳ 1 thanh toán 50%, chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm, với số tiền 45.000.000 đồng, kỳ 2 thanh toán 50% còn lại, sau 6 tháng kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm, với số tiền 45.000.000 đồng; đối với phí bảo hiểm thuyền viên thanh toán 100%, chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm. Ngày 22/6/2017, anh H đã

nộp phí bảo hiểm kỳ 1 là 47.700.000 đồng (gồm phí bảo hiểm thân tàu kỳ 1 là 45.000.000 đồng và phí bảo hiểm thuyền viên 2.700.000 đồng) và được Bảo Việt Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 363 với số tiền được bảo hiểm 3.000.000 đồng và Giấy chứng nhận bảo hiểm thuyền viên 364 với số thuyền viên 06 người và số tiền bảo hiểm 30.000.000 đồng/người/vụ. Ngày 5/9/2017, anh H đã chuyển nhượng tàu cá trên cho người em trai là anh C, sau khi tiến hành xong thủ tục chuyển nhượng, ngày 18/9/2017 anh C được Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 7053 và giữ nguyên số đăng ký tàu cá cũ là QB 93192TS. Do đó, việc B từ chối không bồi thường số tiền bảo hiểm như Giấy chứng nhận đã cấp cho anh C là không đúng pháp luật. Việc chậm nộp phí bảo hiểm kỳ 2 do B không gửi thông báo thu phí kỳ 2 cho anh C nên anh C không biết để nộp. Bản thân anh H cũng không nhận được thông báo thu phí kỳ 2 của B Quảng Bình.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình Quyết định:

Căn cứ các Điều 74, 84, 85, 87, 116, 117, 118, 119, 121, 134, 135, 137, 138, 140, 141, 357, 385, 398, 400, 401, 404, 405, 422, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 21, 23, 26, 28, 29, 30, 40, 41, 47 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi bổ sung năm 2010;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ngọc C.

Buộc bị đơn Tổng công ty Bảo hiểm B phải trả số tiền bảo hiểm tàu cá cho anh Phạm Ngọc C số tiền 3.000.000.000 đồng, theo nội dung Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 363 ngày 20/9/2017 do Tổng công ty bảo hiểm B cấp cho anh Phạm Ngọc C và khoản lãi chậm trả kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm ngày 03/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/4/2019 là 360.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 3.360.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền bảo hiểm thân tàu anh Phạm Ngọc C phải nộp tiếp kỳ 2 là 45.000.000 đồng; số tiền còn lại buộc Tổng Công ty Bảo hiểm B phải trả cho anh Phạm Ngọc C là 3.315.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 24/4/2019, bị đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2019/DS-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 74, 84, 85, 87, 116, 117, 118, 119, 121, 134, 135, 137, 138, 140, 141, 357, 385, 398, 400, 401, 404, 405, 422, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 21, 23, 26, 28, 29, 30, 40, 41, 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi bổ sung năm 2010;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ngọc C.

Buộc bị đơn Tổng công ty Bảo hiểm B phải bồi thường số tiền bảo hiểm thân tàu cá cho anh Phạm Ngọc C số tiền 2.000.000.000 đồng nhưng được trừ vào phí bảo hiểm thân tàu anh Phạm Ngọc C phải nộp phí bảo hiểm kỳ 2 là 45.000.000 đồng. Số tiền còn lại Tổng công ty Bảo hiểm B bồi thường cho anh Phạm Ngọc C là 1.955.000.000 đồng và khoản lãi chậm trả là 235.106.649 đồng, tổng cộng hai khoản là 2.190.106.649 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 12/11/2019, bị đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2019/DS-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Tại Quyết định số 07/2020/KN-DS ngày 10/12/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2019/DS-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2019/DS-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm, đúng quy định của pháp luật

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn cho rằng khi nhận chuyển nhượng tàu cá từ anh H thì cũng được anh H chuyển toàn bộ giấy tờ bảo hiểm nên nguyên đơn được hưởng quyền lợi bảo hiểm. Theo bị đơn, thì anh H chuyển nhượng tàu cá, cũng như chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm, cho anh C nhưng không thông báo cho bị đơn biết bằng văn bản. Tại khoản 2 Điều 26 của Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: “Việc chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực trong trường hợp bên mua bảo hiểm thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc chuyển nhượng và doanh nghiệp bảo hiểm có văn bản chấp thuận việc chuyển nhượng đó, trừ trường hợp việc chuyển nhượng được thực hiện theo tập quán quốc tế”. Tuy nhiên,

đối với bảo hiểm thuyền viên, do anh C đã đóng đủ phí nên bị đơn đồng ý, giải quyết phần bảo hiểm đối với thuyền viên. Đối với bảo hiểm thân tàu, theo ông Hoàng (là đại lý bảo hiểm) khai trình do anh H, anh C là người hàng xóm, nên sau khi tàu bị nạn thì mẹ của anh C đến nhà ông Hoàng để xin cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên anh C, hợp thức hóa ngày cấp để phù hợp với Giấy chứng nhận đứng tên anh H; vì nể nang, ông Hoàng đã lấy Giấy chứng nhận, có chữ ký không chỉ và dấu của B Quảng Bình, sau đó ông Hoàng dựa vào bản photo Giấy chứng nhận của anh H để viết lại Giấy chứng nhận mang tên anh C, ghi lùi ngày cấp là 20/9/2017. Theo bị đơn, ông Hoàng thừa nhận làm sai quy trình là Giấy không chỉ được sử dụng khi chủ tàu nộp phí bảo hiểm, phía Công ty sẽ gọi điện cho ông Hoàng thì ông Hoàng mới được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho chủ tàu, công ty bảo hiểm không thừa nhận việc ghi lùi ngày của đại lý, việc ghi như vậy là bất hợp pháp nên không được bảo hiểm; về phía nguyên đơn, không thừa nhận việc ông Hoàng ghi lùi ngày mà khai ghi đúng ngày. Xét thấy, kể cả trường hợp Giấy chứng nhận trên là hợp lệ, ghi đúng ngày, coi như ông C là người kế thừa bên mua bảo hiểm. Tại khoản 2 Điều 23 của Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định *trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, thì chấm dứt hợp đồng*; theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm mà các bên giao kết, thì ngày 22/12/2017 là ngày cuối cùng phải thanh toán phí bảo hiểm kỳ 2, trường hợp đến thời hạn thanh toán phí bảo hiểm mà chủ tàu không thanh toán đúng thời hạn thì *hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt hiệu lực bảo hiểm và Giấy chứng nhận nhận bảo hiểm không còn giá trị* (trừ trường hợp được B đồng ý bằng văn bản); như vậy việc ông C, bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm đúng hạn nêu trên, thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên được chấm dứt và Giấy chứng nhận bảo hiểm không còn giá trị.

[2] Ngoài ra, tại mục a điểm 2 Điều 13 của Quy tắc bảo hiểm tàu cá do Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 5373/QĐ-BHBV ngày 16/11/2016 mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm tàu cá đối với phạm vi bảo hiểm thân tàu (mục 1 phần I Điều 2) cũng quy định: “*Trong trường hợp mặc dù Bảo Việt đã chấp nhận bảo hiểm và đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc giấy sửa đổi bổ sung (nếu có) cho Người được bảo hiểm, hiệu lực của tàu sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi phát sinh một trong những trường hợp sau: a) Người được bảo hiểm không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại điểm 2 Điều 17 của Quy tắc này (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản)*”; từ đó, cho thấy hợp đồng bảo hiểm nêu trên đã chấm dứt trước khi sự kiện bảo hiểm xảy ra nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm.

Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm buộc Tổng công ty Bảo hiểm B bồi thường tiền bảo hiểm thân tàu cá cho ông Phạm Ngọc C là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy Quyết định kháng nghị số 07/2020/KN-DS ngày 10/12/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ nên chấp nhận; do vậy, cần phải hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2019/DS-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 343, Điều 345 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2019/DS-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm, đúng quy định của pháp luật.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình (2 bản kèm theo hồ sơ vụ án);
- Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Trình